TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 788/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn và
chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà:

Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 6 năm 2019 và 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 714/2015/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2015 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 123/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1977 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 115/17/23 Đường A, Khu phố B, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 65/22/5 Đường A, Khu phố B, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Phan Đức I – Luật sư thuộc Công ty K – thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lưu Hữu N, sinh năm 1970 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: 115/17/23 Đường A, Khu phố B, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đậu Minh D, sinh năm 1988 (vắng mặt)
2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1987 (vắng mặt)
3. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1987 (vắng mặt)
4. Bà Trần Thị D, sinh năm 1976 (vắng mặt)
5. Trẻ Nguyễn Ngọc P, sinh năm 2001 (vắng mặt)
6. Ông Đặng Sỹ H, sinh năm 1982 (vắng mặt)
7. Bà Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt)
8. Bà Đậu Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)
9. Ông Lê Đình H, sinh năm 1984 (vắng mặt)
10. Ông Cao Quý H, sinh năm 1982 (vắng mặt)
11. Bà Lạng Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)
12. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 33/5A7 Khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Bình Dương

13. Bà Võ Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt)
14. Ông Trần Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)
15. Bà Trần Thị T, sinh năm 1996 (vắng mặt)
16. Bà Trần Thị F, sinh năm 1987 (vắng mặt)
17. Bà Nguyễn Mai H, sinh năm 1981 (vắng mặt)
18. Ông Trương Trung D, sinh năm 1979 (vắng mặt)
19. Bà Lê Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt)
20. Ông Lê Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
21. Ông Lâm Hoàng T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 50/5A4 Khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Bình Dương

22. Bà Trương Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

23. Ông Võ Đình V, sinh năm 1986 (vắng mặt)

24. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

25. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

26. Bà Hà Thị G, sinh năm 1985 (vắng mặt)

27. Bà Trần Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 49/5A4 Khu phố X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Bình Dương

28. Ông Võ Văn G, sinh năm 1963 (vắng mặt)

29. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

30. Ông Nguyễn Hữu U sinh năm 1992 (vắng mặt)

31. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

32. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

33. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

34. Ông Trần Văn P, sinh năm 1982 (vắng mặt)

35. Bà Trần Thị Y, sinh năm 1982 (vắng mặt)

36. Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 115/17/23 Đường A, Tổ Q, Khu phố B, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Bùi Thị L thì:

Bà và ông Lưu Hữu N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 1996 bà sinh con gái tên Lưu Thị Kim J, năm 2002 sinh bé thứ hai tên Lưu Chí O, thời điểm này vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì lý do tài chính, kinh tế của gia đình, ông N bắt đầu thay đổi tính tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và ông N đánh bà. Tuy vợ chồng mâu thuẫn nhưng vì các con nên ngày 25/11/2002 bà và ông N đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Sau khi đăng ký kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không khắc phục được. Vì vậy, từ năm 2013 đến nay bà L và các con về nhà mẹ ruột của bà sinh sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà L và ông N có hai người con chung là Lưu Thị Kim J (nữ), sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996 và Lưu Chí O (nam), sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001, đều đã trưởng thành

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà L và ông N có tạo lập khối tài sản chung bao gồm: Phần đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 195 toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 733678 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 19/10/2007, hiện đã xây dựng phòng trọ; phần đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 196 toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 733679 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 19/10/2007, hiện đã xây dựng phòng trọ; phần đất có diện tích 97,5 m2 thuộc Thửa số 400, tọa lạc tại Khu dân cư Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 944026 của Uỷ ban nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, hiện đã xây dựng phòng trọ; căn nhà và đất toạ lạc tại số 115/17/23 Đường số 5, Khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BA 981482 của Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 05/2/2010 và phần đất có diện tích 160m^2 toạ lạc địa chỉ Lô 16, lô 17 tọa lạc tại Khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (diện tích đất này chưa được cấp giấy).

Bà L yêu cầu chia tài sản chung như sau: Bà được nhận căn nhà và đất toạ lạc tại số 115/17/23 Đường số 5, Khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BA 981482 của Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 05/2/2010.

Ông N nhận phần đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 195 toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 733678 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 19/10/2007 và phần đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 196 toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 733679 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 19/10/2007.

Giao cho các con Lưu Thị Kim J và Lưu Chí O phần đất có diện tích 97,5 m2 thuộc Thửa số 400, tọa lạc tại Khu dân cư Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 944026 của Uỷ ban nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 07/01/2019 bà L yêu cầu rút lại yêu cầu chia tài sản chung là phần đất có diện tích 160m^2 tọa lạc tại địa chỉ Lô 16, lô 17 tọa lạc tại Khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và yêu cầu chia ½ thu nhập từ việc cho thuê phòng trọ theo đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 24/12/2005.

Về nợ chung: Không có

Ông Lưu Hữu N trình bày:

Ông thống nhất với bà L về quá trình quen biết, chung sống và đăng ký kết hôn.

Tuy vợ chồng chung sống có con chung nhưng không hợp nhau từ cách suy nghĩ và cách sống do có sự khác biệt quá lớn về vùng miền. Năm 2002 vì muốn cho con cái có giấy khai sinh để thuận tiện trong việc học hành nên ông và bà L tiến hành đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn tuy vợ chồng vẫn còn mâu thuẫn, xung đột với nhau nhưng vì các con đã khôn lớn nên ông chấp nhận sống chung với bà L. Đến 2013 thì bà L dọn về nhà mẹ ruột sinh sống, bản thân ông cũng không còn tình cảm với bà L. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Có hai người con chung là Lưu Thị Kim J (nữ), sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996 và Lưu Chí O (nam), sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001, đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông thống nhất với bà L về khối tài sản chung yêu cầu chia gồm: Phần đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 195 toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 733678 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 19/10/2007, hiện đã xây dựng phòng trọ; phần đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 196 toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 733679 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An cấp ngày 19/10/2007, hiện đã xây dựng phòng trọ; phần đất có diện tích 97,5 m2 thuộc Thửa số 400, tọa lạc tại Khu dân cư Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 944026 của Uỷ ban nhân dân thị xã Thuận

An, tỉnh Bình Dương, hiện đã xây dựng phòng trọ; căn nhà và đất toạ lạc tại số 115/17/23 Đường số 5, Khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BA 981482 của Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 05/2/2010. Riêng phần đất có diện tích 160m^2 toạ lạc địa chỉ Lô 16, lô 17 tọa lạc tại Khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (diện tích đất này chưa được cấp giấy), do quá khó khăn trong việc làm thủ tục nên ông đã trả lại cho ông Y để chuyển nhượng cho người khác, nay bà L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần đất này thì ông không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ông yêu cầu để tự hai bên giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Tại phiên toà bà L trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn với ông Lưu Hữu N; về con chung gồm Lưu Thị Kim J (nữ), sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996 và Lưu Chí O (nam), sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001, đều đã trưởng thành; về tài sản chung: Bà L rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung; về chi phí định giá bà L đã nộp đủ và bà tự nguyện chịu.

Bị đơn ông Lưu Hữu Nguyên trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà L, về con chung đều đã trưởng thành, tài sản chung bà L rút lại yêu cầu chia tài sản chung thì ông đồng ý vì ông và bà L đã thoả thuận được với nhau.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đậu Minh D bà Trần Thị M, bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị D, ông Đặng Sỹ H, bà Thị T, bà Đậu Thị H, ông Lê Đình H, ông Cao Quý H, bà Lạng Thị H, bà Hồ Thị L, bà Võ Thị T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị T, bà Trần Thị F, bà Nguyễn Mai H, ông Trương Trung D, bà Lê Thị H, ông Lê Văn T, ông Lâm Hoàng T, bà Trương Thị H, ông Võ Đình V, bà Hồ Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Hà Thị G, bà Trần Thị H, ông Võ Văn G, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Hữu U, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn B, ông Trần Văn P, bà Trần Thị Y, bà Trần Thị Tuyết M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà, theo nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày thì luật sư bận công việc nên đề nghị được vắng mặt tại phiên toà và bà sẽ tự mình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành

pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân do bà L và ông N thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận bà L và ông N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông N và bà L có 02 người con chung là Lưu Thị Kim J (nữ), sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996 và Lưu Chí O (nam), sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001, đều đã trưởng thành

Về tài sản chung: Tại phiên toà bà L rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Bùi Thị L.

Án phí hôn nhân sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lưu Hữu N cư trú tại quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà L phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị L là ông Phan Đức I vắng mặt tại phiên toà, bà Bùi Thị L đề nghị bà tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên toà, bà yêu cầu Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt luật sư Phan Đức I. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt luật sư Phan Đức Linh.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Thị L và ông Lưu Hữu N kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Hưng Định, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73 quyển I/2002 ngày 25/11/2002 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà Liễu và ông N thì sau khi sống chung một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con nên đến năm 2002 hai vợ chồng đã đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến năm 2013 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay cả bà L và ông N đều thống nhất ly hôn và yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo Giấy khai sinh số 016 ngày 16/01/2013 ngày của xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và Giấy khai sinh số 02 ngày 29/5/1999 của Uỷ ban nhân dân xã Hưng Thịnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương và lời trình bày của các đương sự thì xác định ông Lưu Hữu Nguyên và bà Bùi Thị L có 02 người con chung là Lưu Thị Kim J (nữ), sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996 và Lưu Chí O (nam), sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001, đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Căn cứ theo đơn yêu cầu khởi kiện và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện thì bà Bùi Thị L yêu cầu Toà án chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Nhà, đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa số 195 Tờ bản đồ DC19 (1) toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI733678, ngày 19/10/2007 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương và phần nhà đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa số 196 Tờ bản đồ DC19 (1) toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI733679 ngày 19/10/2007 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương; nhà và đất thuộc Thửa số 33 Tờ bản đồ số 63 toạ lạc tại số 115/17/23 Đường số 5, Khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BA 981482 do Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày

05/2/2010 và phần nhà, đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 400 Tờ bản đồ số 958 (DC19) tọa lạc tại Khu dân cư Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; phần đất có diện tích 160m^2 tọa lạc tại địa chỉ Lô 16, lô 17 tọa lạc tại Khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (diện tích đất này chưa được cấp giấy) và yêu cầu chia ½ thu nhập từ việc cho thuê phòng trọ theo đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 24/12/2005.

Tuy nhiên ngày 07/01/2019 bà Bùi Thị L có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là phần đất có diện tích 160m^2 tọa lạc tại địa chỉ Lô 16, lô 17 tọa lạc tại Khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (diện tích đất này chưa được cấp giấy) và yêu cầu chia ½ thu nhập từ việc cho thuê phòng trọ theo đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 24/12/2005.

Tại phiên toà bà Bùi Thị L có yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung gồm: Nhà, đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa số 195 Tờ bản đồ DC19 (1) toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI733678, ngày 19/10/2007 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương và phần nhà đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa số 196 Tờ bản đồ DC19 (1) toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI733679 ngày 19/10/2007 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương; nhà và đất thuộc Thửa số 33 Tờ bản đồ số 63 toạ lạc tại số 115/17/23 Đường số 5, Khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BA 981482 do Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 05/2/2010 và phần nhà, đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 400 Tờ bản đồ số 958 (DC19) được Uỷ ban nhân dân thị xã Thuận an cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số BL 944026 ngày 29/5/2013 tọa lạc tại Khu dân cư Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Và giữ nguyên nội dung đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ghi ngày 07/01/2019.

Do bà L và ông N đã tự thoả thuận được việc chia tài sản chung nên bà L rút yêu cầu Toà án chia tài sản chung của bà và ông N trong vụ án này. Ông N đồng ý với việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà L. Do việc rút yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí, Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các điều 55; 57; 59 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị L, sinh năm 1977 và ông Lưu Hữu N, sinh năm 1970

2. Về con chung: Có hai người con chung là Lưu Thị Kim J (nữ), sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996 và Lưu Chí O (nam), sinh ngày 15 tháng 3 năm 2001, đều đã trưởng thành

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của bà Bùi Thị L về việc chia tài sản chung vợ chồng gồm: phần nhà, đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa số 195 Tờ bản đồ DC19 (1) toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI733678, ngày 19/10/2007 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương và phần nhà đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa số 196 Tờ bản đồ DC19 (1) toạ lạc tại KDC Bình Đáng, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI733679 ngày 19/10/2007 của Uỷ ban nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương; phần nhà, đất có diện tích 97,5 m^2 thuộc Thửa 400 Tờ bản đồ số 958 (DC19) tọa lạc tại Khu dân cư Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, được Uỷ ban nhân dân thị xã Thuận an cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số BL 944026 ngày 29/5/2013; nhà và đất thuộc Thửa số 33 Tờ bản đồ số 63 toạ lạc tại số 115/17/23 Đường số 5, Khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BA 981482 do Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 05/2/2010 và phần đất có diện tích 160m^2 tọa lạc tại địa chỉ Lô 16, lô 17 tọa lạc tại Khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (diện tích đất này chưa được cấp giấy) và yêu cầu chia ½ thu nhập từ việc cho thuê phòng trọ theo đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 24/12/2005.

Về chi phí định giá bà L tự nguyện chịu, bà L đã nộp đủ.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, bà Bùi Thị L phải nộp nhưng được cấn trừ tạm ứng án phí 41.200.000đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0006256 ngày 09/9/2015, hoàn lại cho bà L 41.000.000 (bốn mươi mốt triệu) đồng theo biên lai thu số 0006256 ngày 09/9/2015 và 7.750.000 (bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số 007142 ngày 14/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND xã Hưng Định, huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh